TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 423/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11-7-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Tố Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Như Thủy
2. Bà Lê Thị Kim Em

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Gấm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2019/TLST-HNGĐ, ngày 26/3/2019 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trịnh Viết T
Địa chỉ: Số y lô L, đường số T, Khu dân cư P, phường P, Quận q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Vi Thị Thu C.
Địa chỉ: Số y lô L, đường số T, Khu dân cư P, phường P, Quận q, Thành phố Hồ Chí Minh.
(các đương sự có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 14/3/2019 của nguyên đơn, lời khai của các đượng sự, biên bản hòa giải thể hiện mối quan hệ giữa Ông T, bà C như sau:

Ông T và bà C tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường v, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 243/2009, quyển số 01/P13, ngày 20/11/2009. Do tính tình hai bên không hợp nhau, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, khác nhau nhiều về suy

nghĩ, tính cách, không hòa hợp nhiều mặt trong cuộc sống, Ông T, bà C đã ly thân từ tháng 3/2019 cho đến nay. Nay Ông T nhận thấy không còn tình cảm với bà C, nếu tiếp tục sống chung sẽ dẫn đến đổ vỡ là điều chắc chắn, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Ông T yêu cầu xin ly hôn với bà C.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trịnh Duy T, sinh ngày 10/4/2013 và Trịnh Duy Th, sinh ngày 20/4/2018.

Ông T yêu cầu được nuôi con chung tên Trịnh Duy T, sinh ngày 10/4/2013, không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con.

Bà C nuôi con chung Trịnh Duy Th, sinh ngày 20/4/2018, Ông T cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng.

* Bà Vi Thị Thu C trình bày:

Bà C đồng ý với lời trình bày của Ông T về việc tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nhưng bà C không đồng ý ly hôn vì bà C vẫn còn rất thương yêu Ông T. Mặt khác, lý do Ông T ly hôn theo bà C là không chính đáng, hơn nữa các con còn nhỏ nên bà C vẫn muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cho con phát triển tốt hơn.

- Về con chung: Có 02 con chung như Ông T trình bày.

Trong trường hợp ly hôn, bà C yêu cầu nuôi trẻ Trịnh Duy Th và yêu cầu Ông T cấp dưỡng mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu đồng), cho đến khi trẻ đủ tuổi trưởng thành. Bà C đồng ý giao trẻ Trịnh Duy T cho Ông T nuôi con, bà C không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn Ông Trịnh Viết T không rút đơn khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bà C, vì ông cho rằng 10 năm kết hôn ông đã chịu đựng 5 năm đầu nhưng 5 năm trở lại đây ông không chịu đựng được nữa, do bà C không chia sẻ được với ông, không đồng cam cộng khổ với ông, tiêu sài hoang phí, không tôn trọng mẹ chồng, không chăm sóc con chu đáo, hai vợ chồng không hòa hợp về chăn gối…, nên ông vẫn giữ yêu cầu ly hôn bà C. Về con chung: Ông vẫn có nguyện vọng được nuôi hai con chung nhưng do cháu nhỏ Trịnh Duy Th chưa tròn ba tuổi nên ông đồng ý để bà C nuôi dưỡng. Ông cấp dưỡng nuôi cháu nhỏ Trịnh Duy Th mỗi tháng 5.000.000 đồng. Ông yêu cầu được nuôi cháu lớn là Trịnh Duy T.

Bị đơn bà C trình bày: Bà không đồng ý ly hôn vì bà còn thương Ông T và muốn các con lớn lên có cả ba mẹ. Hôm nay bà nghe Ông T trình bày bà thật sự bị sốc, nếu cho bà cơ hội bà sẽ thay đổi, sống tiết kiệm hơn, chăm lo cho các con hơn. Nhưng nêu phải ly hôn bà muốn được nuôi hai con chung là Tùng và Thanh để cho có anh có em với nhau. Bà không yêu cầu Ông T cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

1. Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ông Trịnh Viết T yêu cầu được ly hôn với bà Vi Thị Thu Clà tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn bà Vi Thị Thu Ccư ngụ tại Quận 7, nên căn cứ khoản 1, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 243/2009, quyển số 01/P13, do Ủy ban nhân dân Phường v, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/11/2009, có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa Ông Trịnh Viết T và bà Vi Thị Thu Clà hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về mâu thuẫn gia đình: Ông T và bà C kết hôn năm 2009. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được 10 năm, nhưng Ông T chịu đựng được 5 năm đầu còn 5 năm gần đây Ông T đã không chịu đựng được do có nhiều sự khác nhau, không còn tình cảm với bà C, đời sống chăn gối không hòa hợp, bà C không chia sẻ được với Ông T trong cuộc sống, Ông T cảm thấy cô độc và quá sức chịu đựng, bà C không đồng cam cộng khổ với ông, lại còn tiêu sài hoang phí, không tôn trọng mẹ chồng, không chăm sóc con chu đáo, … nên Ông T vẫn giữ yêu cầu ly hôn bà C. Ngược lại bà C không muốn ly hôn với Ông T, vì cho rằng còn thương yêu chồng và muốn các con lớn lên có cả cha và mẹ. Nhưng tại phiên tòa hôm nay bà C đã nhận ra rằng Ông T không còn tình cảm với mình và mong muốn của Ông T là ly hôn nên bà đồng ý ly hôn với Ông T với điều kiện được quyền nuôi hai con chung là Tùng và Thanh.

Xét, quan hệ vợ chồng giữa Ông T, bà C có nhiều mâu thuẫn nhưng không được hai vợ chồng giãi bày tâm sự, mỗi người lo giữ cái tôi của mình nên mâu thuẫn kéo dài không hóa giải được. Đỉnh điểm là việc Ông T bỏ nhà ra sống riêng từ tháng 3/2019 cho đến nay, và từ khi Ông T gửi đơn khởi kiện tại Tòa án, trong quá trình tố tụng, Tòa án hòa giải nhiều lần nhưng hai bên vẫn không đoàn tụ được và Ông T cương quyết giữ yêu cầu ly hôn. Tại phiên tòa, bà

C sau khi nghe Ông T trình bày, sự phân tích của Hội đồng xét xử, bà cũng nhận ra được tình cảm của Ông T đối với bà đã không còn nên bà đồng ý ly hôn nhưng mong muốn được nuôi hai con chung. Như vậy mâu thuẫn giữa hai người đã đến lúc trầm trọng và không thể hàn gắn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của Ông T là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và Gia đình. Nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Ông T.

[2.3] Về con chung: Căn cứ giấy khai sinh số 214/2013, quyển số do Ủy ban nhân dân Phường v, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/5/2013 và giấy khai sinh số 130 do Ủy ban nhân dân phường Phú Mỹ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/4/2018, cùng lời khai của hai bên đương sự, có cơ sở để xác định Ông T bà C có hai con chung là Trịnh Duy T, sinh ngày 10/4/2013 và Trịnh Duy Th, sinh ngày 20/4/2018.

Ông T yêu cầu được nuôi con chung tên Trịnh Duy T, sinh ngày 10/4/2013, không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con. Ông T đồng ý để cho bà C nuôi dưỡng con nhỏ là Trịnh Duy Th, sinh ngày 20/4/2018, Ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Bà C yêu cầu được nuôi hai con chung là Trịnh Duy T sinh ngày 10/4/2013 và Trịnh Duy Th, sinh ngày 20/4/2018, không yêu cầu Ông T cấp dưỡng nuôi con.

Xét, hiện nay hai trẻ đang chung sống với mẹ là bà C, đang được ở nhà cùng với bà nội (mẹ của Ông T), dù hai trẻ đang sống với mẹ từ khi Ông T bỏ nhà ra ở riêng cho đến nay. Tuy nhiên phần lớn thời gian chăm sóc hai trẻ là do Ông T và bà nội của các cháu, do bà C thường xuyên đi làm về trễ nên việc trông nom, chăm sóc các cháu phụ thuộc vào người giúp việc và Ông T. Việc đóng tiền học cho các cháu do Thắng đóng, phần lớn chi tiêu trong gia đình do Ông T chi, hơn nữa thu nhập của Ông T là nguồn thu và chi chính của gia đình. Việc để Ông T nuôi cả hai cháu cũng hợp lý nhưng do cháu nhỏ là Trịnh Duy Th, sinh ngày 20/4/2018 hiện nay chưa tròn 36 tháng tuổi và Ông T cũng đồng ý để bà C nuôi dưỡng trẻ Trịnh Duy Th nên theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì trẻ Trịnh Duy Th phải được mẹ là bà C nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, bà C mong muốn được nuôi cả hai con chung là Tùng và Thanh. Xét, với thời gian 10 năm chung sống, kinh tế gia đình phần lớn là do Ông T chu cấp, Ông T là người đóng các khoản tiền cho hai trẻ đi học, việc bà C yêu cầu nuôi hai con nhưng vì mục đích là anh em có nhau là chưa xem xét đến nhu cầu ăn, mặc, ở của hai trẻ. Hiện nay cháu Tùng chuẩn bị vào lớp 1, nhu cầu về tâm sinh lý cũng bắt đầu phát triển, sinh hoạt và học hành cũng tốn kém, việc để cho bà C nuôi hai trẻ là vượt quá khả năng của bà C, bà C cũng trình bày sẽ nhờ vả bên ngoại (mẹ ruột của bà C) để hỗ trợ bà C nuôi hai cháu, nhưng đó chỉ là giải pháp tình thế, xét về lâu dài, nuôi hai con cho đến khi trẻ đủ trưởng thành sẽ là gánh nặng cho bà C. Do đó để Ông T nuôi cháu lớn là Trịnh Duy T và bà C nuôi cháu nhỏ là Trịnh Duy Th là phù hợp với hoàn cảnh gia đình và kinh tế của hai bên đương sự. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con

chung của Ông T, giao Ông T nuôi cháu lớn là Trịnh Duy T, sinh ngày 10/4/2013 cho đến khi trẻ đủ tuổi thành niên; giao bà C nuôi cháu nhỏ là Trịnh Duy Th, sinh ngày 20/4/2018 cho đến khi trẻ đủ tuổi thành niên.

Cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của Ông T không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con Trịnh Duy T, sinh ngày 10/4/2013. Ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nhỏ là Trịnh Duy Th, sinh ngày 20/4/2018 mỗi tháng 5.000.000 đồng, bắt đầu thực hiện từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trẻ Trịnh Duy Th đủ tuổi thành niên.

Tài sản chung, nợ chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; các Điều 266; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, khoản 2 Điều 81, các Điều 82, 83, 84, 85 và 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí;

- Căn cứ khoản 5,6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Ông Trịnh Viết T.

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Viết T được ly hôn với bà Vi Thị Thu C.

[1.2] Về con chung: Giao cho Ông Trịnh Viết T trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Trịnh Duy T, sinh ngày 10/4/2013 cho đến khi trẻ đủ tuổi thành niên. Bà Vi Thị Thu C không cấp dưỡng nuôi con.

Giao cho bà Vi Thị Thu Ctrực tiếp nuôi dưỡng trẻ Trịnh Duy Th, sinh ngày 20/4/2018, cho đến khi trẻ đủ tuổi thành niên.

Ông Trịnh Viết T cấp dưỡng nuôi trẻ Trịnh Duy Th mỗi tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), bắt đầu thực hiện từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trẻ đủ tuổi thành niên.

Ông Trịnh Viết T, bà Vi Thị Thu C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được

lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con. Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

[1.3] Tài sản chung, nợ chung: Tòa án không giải quyết.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm:

[2.1] Án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, nguyên đơn Ông Trịnh Viết T phải chịu. Ông Trịnh Viết T đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0026877 ngày 26/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trịnh Viết T đã nộp đủ án phí.

[2.2] Ông Trịnh Viết T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

[3] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

[4] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.7;
- Chi cục THADS Q.7;
- UBND P.13, quận Tân Bình
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Tố Nhân